

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thái Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực.

Ông Hà Phương Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Sơn Thị Chanh T**, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

- Bị đơn: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị Chanh T trình bày:**

Vào khoảng năm 2011 bà Sơn Thị Chanh T làm công nhân tại Khu công nghiệp của tỉnh Sóc Trăng có quen biết với ông Trần Văn B là người ở cùng xã B. Khi đó, ông Trần Văn B cũng đi làm ở thành phố Sóc Trăng. Sau thời gian quen biết, bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B đã sống chung và có con chung sinh ngày 11/7/2012 đặt tên Trần Sơn H. Tuy nhiên thời điểm từ năm 2011 đến năm 2012 sau

khi sinh bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B vẫn chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh cho con chung. Đến ngày 04/10/2017 bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/2017 cũng như đăng ký khai sinh cho con chung. Từ thời điểm quen biết sống chung cho đến thời gian đăng ký kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc hoặc bị lừa dối. Khi sinh con, bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B vẫn sống chung với gia đình của bà Sơn Thị Chanh T cũng như gia đình của chồng. Bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Sau thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không cùng quan điểm sống và sống ly thân. Bà Sơn Thị Chanh T tiếp tục sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại Ấp A còn ông Trần Văn B bỏ mặc bà Sơn Thị Chanh T và con về sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại ấp Trường Thọ cùng xã B. Từ đó bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B sống ly thân và ông Trần Văn B không còn quan tâm, chăm sóc bà Sơn Thị Chanh T và con cho đến nay. Kể từ đầu năm 2018, vợ chồng ly thân cho đến nay, thời gian không chung sống đã lâu nên tình cảm cũng không còn nên bà Sơn Thị Chanh T quyết định ly hôn.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Trần Sơn H, sinh ngày 11/07/2012 đang sống cùng bà Sơn Thị Chanh T tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Bà Sơn Thị Chanh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn B.

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn B.

- Về con chung: Bà Sơn Thị Chanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Sơn H, sinh ngày 11/7/2012 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Trần Văn B phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Chanh T xác định có, nhưng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Sơn Thị Chanh T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân tên Sơn Thị Chanh T (Bản đối chiếu);

+ Giấy đăng ký kết hôn số 109/2017 do UBND xã B cấp ngày 04/10/2017 và trích lục khai sinh tên Trần Sơn H;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Trần Văn B. Nhưng ông Trần Văn B thường xuyên không có mặt tại nhà và có bà Sơn Thị C là mẹ ruột ngụ cùng địa chỉ nhận thay. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy

nhiên ông Trần Văn B không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp và nguyện vọng của vợ chồng, con trong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

* Nguyên đơn bà Sơn Thị Chanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về hôn nhân yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn B. Bà Sơn Thị Chanh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Văn B vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Sơn Thị Chanh T đối với ông Trần Văn B. Giao con chung là cháu Trần Sơn H, sinh ngày 11/7/2012 cho bà Sơn Thị Chanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/4/2024, bà Sơn Thị Chanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn B có nơi cư trú tại: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Trần Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn B.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Sơn Thị Chanh T về việc ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Chanh T cùng ông Trần Văn B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 109/2017, ngày 04/10/2017. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị Chanh T và ông Trần Văn B là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Sơn Thị Chanh T: Sau thời gian chung sống như vợ chồng từ năm 2011, có con chung năm 2012 và sau đó đến năm 2017 bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B mới tiến hành đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân và ông Trần Văn B đã về sống bên gia đình của cha mẹ ruột tại ấp Trường Thọ, còn bà Sơn Thị Chanh T vẫn sống bên gia đình cha mẹ ruột tại Ấp A cùng xã B. Hội đồng xét xử xét thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn B không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Sơn Thị Chanh T đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu nên tình cảm không còn. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Sơn Thị Chanh T, ông Trần Văn B hàn gắn tình cảm, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn B đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Chanh T cho bà Sơn Thị Chanh T được ly hôn với ông Trần Văn B.

[3.3] Về con chung: Bà Sơn Thị Chanh T xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Sơn Thị Chanh T và ông Trần Văn B có một người con chung tên Trần Sơn H, sinh ngày 11/07/2012 đang sống cùng bà Sơn Thị Chanh T tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và bà Sơn Thị Chanh T yêu cầu được nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu ông Trần Văn B phải cấp dưỡng cho con do hiện đang làm công nhân tại Khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng có thu nhập tương đối ổn định. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trần Văn B đều vắng mặt và không có ý kiến gì với yêu cầu nuôi con chung của bà Sơn Thị Chanh T đưa ra. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trần Sơn H, sinh ngày 11/07/2012 cho bà Sơn Thị Chanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên nuôi dưỡng đến khi thành niên và ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng cho con. Bên cạnh đó, ông Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở theo Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Chanh T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Sơn Thị Chanh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Trần Văn B không phải chịu án phí sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Sơn Thị Chanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Chanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Chanh T được ly hôn với ông Trần Văn B.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Sơn H, sinh ngày 11/07/2012 cho bà Sơn Thị Chanh T nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Trần Văn B không phải cấp dưỡng cho con. Ông Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Sơn Thị Chanh T xác định không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Sơn Thị Chanh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sơn Thị Chanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005461, ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Sơn Thị Chanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và ông Trần Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã B
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc